

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN – HÀ NỘI
SAIGON – HANOI SECURITIES JSC.,**

Số/No. 263/2025/CV – SHS
(CBTT/Ref: Báo cáo tài chính bán niên
năm 2025 đã được soát xét/The Semi-
Annual 2025 Financial Statements have
been audited)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness**

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2025
Hanoi, Aug 14th, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
INFORMATION DISCLOSURE ON THE ELECTRONIC INFORMATION PORTAL OF
THE STATE SECURITIES COMMISSION AND STOCK EXCHANGE**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Committee*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange*

1. Tên công ty/Name of organization: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội/Saigon – Hanoi Securities JSC.,
2. Mã chứng khoán/Stock code: SHS
3. Mã thành viên/Broker code: 069
4. Địa chỉ trụ sở chính/Address: Tầng 1-5, Toà nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Coar Nam, Hà Nội/Floor 1st-5th, Unimex Ha Noi Building, No. 41 Ngo Quyen street, Cua Nam ward, Hoan Kiem district, Hanoi
5. Điện thoại/Tel: 024.38.181888 Fax: 024.38.181688
6. Người thực hiện công bố thông tin/Person disclosing information: Nguyễn Chí Thành - Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật/ Nguyen Chi Thanh - General Director and Legal Representative.
7. Loại thông tin công bố/Type of information published: Định kỳ/periodical
8. Nội dung của thông tin công bố/Content of disclosed information:
 - 8.1. Công bố thông tin Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 đã được soát xét phát hành vào ngày 12/08/2025 bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC/Information disclosure the Semi-Annual 2025 Financial Statements were released on Aug 12th, 2025 by AASC Auditing Firm Company Limited.
 - 8.2. Giải trình theo quy định tại Khoản 4, Điều 14 của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên TTCK/Explanation according to the provisions of Clause 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16th, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market:

a. Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2025 thay đổi từ 10% trở lên so với bán niên năm 2024/ *Explanation the 2025 semi-annual after-tax profit changing by 10% or more compared to the first half of 2024*: Không có/*None*.

b. Giải trình lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2025 bị lỗ, chuyển từ lãi bán niên năm 2024 sang lỗ ở bán niên năm 2025 hoặc ngược lại/ *Explaining the loss in after-tax profit for the first half of 2025, transferring from profit in the first half of 2024 to loss in the first half of 2025 or vice versa*: Không có/*None*.

c. Giải trình lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2025 có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại/ *Explaining the difference between the 2025 semi-annual after-tax profit before and after auditing of 5% or more, changing from loss to profit or vice versa*: Không có/*None*.

9. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/08/2025 tại đường dẫn/*This information was announced on the Company's website on 14/08/2025 at the link*:

<https://www.shs.com.vn/News/2025814/1012851/shs-cbtt-cbtt-bao-cai-tai-chinh-ban-nien-nam-2025-da-duoc-soat-xet.aspx>

<https://www.shs.com.vn/News/2025814/1012852/shs-cbtt-cbtt-bao-cai-tai-chinh-ban-nien-nam-2025-da-duoc-soat-xet.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố/*We hereby commit that the information published above is true and are fully responsible before the law for the content of the published information*.

Trân trọng/*Best regards*.

Tài liệu kèm theo/Attached documents:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 đã được soát xét

The Semi-Annual 2025 Financial Statements have been audited.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/*As above*;

- Lưu VT, P.PC&QTRR/Save Clerical assistant, Legal & Risk Management Department.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

SAIGON – HANOI SECURITIES JSC.,

Người được ủy quyền công bố thông tin/

Person authorized to disclose information



Trần Thị Vân

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-49
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	05-08
Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ	09-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	12-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	16-49

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 20/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 05 năm 2025 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102524651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần gần nhất ngày 16 tháng 06 năm 2025.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch	
Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên	
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên	
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/04/2025
Ông Đào Ngọc Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/04/2025
Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/04/2025
Ông Lưu Danh Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/04/2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Chí Thành	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Bà Nguyễn Diệu Trinh	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên Ủy ban kiểm toán

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ông Nguyễn Chí Thành – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Chí Thành

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 12 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 49, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		17.241.150.548.875	13.935.073.119.222
110	I. Tài sản tài chính		17.214.920.444.834	13.893.134.378.908
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	790.995.794.919	680.759.314.148
111.1	1.1 Tiền		790.995.794.919	680.759.314.148
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	9.174.301.509.441	8.144.359.839.930
114	3. Các khoản cho vay	5	6.268.370.022.539	4.186.915.656.373
115	4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	793.921.728.600	612.635.941.500
117	5. Các khoản phải thu	6	184.839.042.705	275.448.793.675
117.1	5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		26.665.450.000	171.106.530.000
117.2	5.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		158.173.592.705	104.342.263.675
117.3	5.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		158.173.592.705	104.342.263.675
118	6. Trả trước cho người bán	7	13.608.844.525	1.242.070.000
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	496.475.328.732	498.761.210.182
122	8. Các khoản phải thu khác	6	2.105.784	-
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(507.593.932.411)	(506.988.446.900)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		26.230.104.041	41.938.740.314
131	1. Tạm ứng		22.731.965.188	38.408.998.880
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	9	76.733.581	57.959.681
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	3.314.415.918	3.369.453.232
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11	-	2.750.000
135	5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.583.833	173.000
137	6. Tài sản ngắn hạn khác	12	99.405.521	99.405.521
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		92.082.250.139	92.616.645.331
220	II. Tài sản cố định		30.735.767.916	29.871.928.911
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	12.414.819.596	8.957.254.968
222	- Nguyên giá		53.238.743.666	47.006.353.456
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(40.823.924.070)	(38.049.098.488)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	18.320.948.320	20.914.673.943
228	- Nguyên giá		50.716.975.987	50.421.975.987
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(32.396.027.667)	(29.507.302.044)
240	IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	2.679.303.760	2.679.303.760
250	V. Tài sản dài hạn khác		58.667.178.463	60.065.412.660
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11	24.852.819.060	22.767.745.060
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10	3.814.359.403	7.297.667.600
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	16	20.000.000.000	20.000.000.000
255	4. Tài sản dài hạn khác		10.000.000.000	10.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		17.333.232.799.014	14.027.689.764.553

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025
(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.148.446.570.147	2.816.524.554.168
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		5.990.666.253.768	2.725.781.171.831
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	4.837.000.000.000	2.141.000.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn		4.837.000.000.000	2.141.000.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		396.930.000	125.170.000
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	18	96.221.025.852	298.493.134.227
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.619.310.606	1.960.727.273
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	77.850.835.167	100.967.212.960
323	7. Phải trả người lao động		7.430.919.426	54.545.236.491
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		2.911.344.897	2.594.168.617
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	41.143.290.217	32.755.011.157
328	10. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		16.164.000	16.164.000
329	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	21	828.388.671.258	7.834.844.859
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		96.687.762.345	85.489.502.247
340	II. Nợ phải trả dài hạn		157.780.316.379	90.743.382.337
352	1. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		25.000.000	25.000.000
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	38.2	157.755.316.379	90.718.382.337
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.184.786.228.867	11.211.165.210.385
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	11.184.786.228.867	11.211.165.210.385
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		9.336.984.568.289	8.853.320.430.800
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		8.944.622.200.000	8.131.567.480.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		8.944.622.200.000	8.131.567.480.000
411.2	1.3 Thặng dư vốn cổ phần		392.362.368.289	721.752.950.800
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		84.596.919.380	(96.688.867.720)
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		-	77.136.777.489
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		1.763.204.741.198	2.377.396.869.816
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		1.132.183.475.684	2.014.523.340.470
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		631.021.265.514	362.873.529.346
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		17.333.232.799.014	14.027.689.764.553

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
002	1. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		1.500.000.000	1.500.000.000
003	2. Tài sản nhận thế chấp		6.903.330.000	6.903.330.000
004	3. Nợ khó đòi đã xử lý		62.305.803.043	62.305.803.043
006	4. Cổ phiếu đang lưu hành		894.462.220	813.156.748
008	5. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	23	3.573.872.710.000	3.749.196.220.000
009	6. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	24	215.750.980.000	169.007.640.000
010	7. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	25	9.750.000.000	171.039.000.000
012	8. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	26	242.582.810.000	250.435.452.500
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	27	89.512.712.940.000	99.128.457.320.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		69.541.004.020.000	85.034.537.710.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		2.297.356.550.000	1.903.369.480.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		4.866.220.400.000	4.584.161.920.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		11.879.362.440.000	7.485.753.430.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		928.769.530.000	120.634.780.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	28	1.435.898.240.000	782.324.390.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		786.716.750.000	110.652.170.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		649.181.490.000	671.672.220.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	29	-	110.062.030.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
026	11. Tiền gửi của khách hàng	30	1.770.230.435.875	719.318.035.298
027	11.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.212.265.545.663	493.252.007.646
028	11.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		557.887.385.920	225.988.523.360
030	11.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		77.504.292	77.504.292
031	15. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	31	1.770.152.931.583	719.240.531.006
031.1	15.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.768.644.267.560	717.722.354.058
031.2	15.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.508.664.023	1.518.176.948
032	18. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		77.504.292	77.504.292

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Phạm Thị Thanh Hảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Chí Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm	
			2025	2024	
			VND	VND	
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	786.399.033.072	695.747.015.774	
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	33.a)	394.985.605.358	417.649.728.003
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	33.b)	281.333.265.081	202.955.069.952
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	33.c)	110.080.162.633	75.142.217.819
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	33.c)	455.479.452	3.113.013.698
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	33.c)	280.643.471.722	261.918.982.446
04	1.4	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)		29.739.567.000	-
06	1.5	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		123.425.765.673	135.146.031.192
07	1.6	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		540.000.000	2.727.272.727
08	1.7	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		10.673.121.753	3.528.603.896
09	1.8	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		7.296.736.459	7.184.818.157
10	1.9	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		15.270.681.817	4.937.499.999
11	1.10	Thu nhập hoạt động khác	33.d)	998.439.358	679.011.628
20	Cộng doanh thu hoạt động			1.255.442.296.306	1.114.982.249.517
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		204.438.247.632	(30.234.381.487)
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	33.a)	256.310.520.765	19.921.460.105
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	33.b)	(53.851.405.129)	(51.449.306.424)
21.3	c.	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		1.979.131.996	1.293.464.832
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		432.361.398	40.183.266.480
26	2.3	Chi phí hoạt động tự doanh		7.294.039.715	7.056.466.393
27	2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		104.342.580.364	110.823.854.578
28	2.5	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		1.203.330.764	4.223.195.945
29	2.6	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		4.346.182.592	6.253.031.768
30	2.7	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		5.970.496.493	5.590.160.557
31	2.8	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		2.703.596.125	3.154.107.635
32	2.9	Chi phí các dịch vụ khác	34	4.951.668.104	6.253.031.768
40	Cộng chi phí hoạt động			335.682.503.187	153.302.733.637

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	35	1.424.990.940	1.266.824.644
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		1.424.990.940	1.266.824.644
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
52	4.1 Chi phí lãi vay	36	79.078.387.258	24.935.157.123
60	Cộng chi phí tài chính		79.078.387.258	24.935.157.123
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	37	53.461.780.736	62.542.375.760
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		788.644.616.065	875.468.807.641
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác		8.687.814	3.262.397.273
72	8.2 Chi phí khác		1	12.099
80	Cộng kết quả hoạt động khác		8.687.813	3.262.385.174
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		788.653.303.878	878.731.192.815
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		453.468.633.668	624.326.816.439
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		335.184.670.210	254.404.376.376
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	38	143.161.324.496	168.266.681.838
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	38.1	76.124.390.454	117.385.806.563
100.2	10.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	38.2	67.036.934.042	50.880.875.275
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		<u>645.491.979.382</u>	<u>710.464.510.977</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

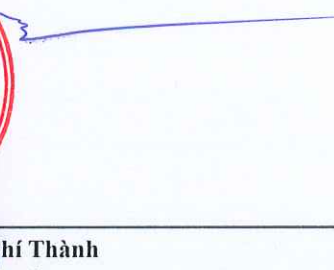
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
300	XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		181.285.787.100	31.373.483.600
400	Tổng thu nhập toàn diện		181.285.787.100	31.373.483.600
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	39	722	794


Nguyễn Thị Thủy
Người lập


Phạm Thị Thanh Hảo
Kế toán trưởng


Nguyễn Chí Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		788.653.303.878	878.731.192.815
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		83.965.703.034	67.062.967.258
03	- Khấu hao tài sản cố định		5.706.821.205	3.968.273.245
04	- Các khoản dự phòng		605.485.511	39.426.361.534
06	- Chi phí lãi vay		79.078.387.258	24.935.157.123
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.424.990.940)	(1.266.824.644)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		(53.851.405.129)	(51.449.306.424)
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(53.851.405.129)	(51.449.306.424)
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(281.333.265.081)	(202.955.069.952)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(281.333.265.081)	(202.955.069.952)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(3.118.020.899.351)	594.200.039.083
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(694.756.999.301)	244.758.780.854
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	(500.000.000.000)
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(2.081.454.366.166)	212.903.891.423
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		144.441.080.000	(74.412.990.000)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(53.831.329.030)	18.406.203.017
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		2.944.464.783	863.889.450.210
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(2.105.784)	-
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		13.568.524.959	(37.952.583.080)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(1.446.529.162)	1.114.767.419
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		3.538.345.511	6.206.061.719
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(104.929.718.624)	(69.624.601.173)
44	- Lãi vay đã trả		(69.243.579.036)	(28.338.269.453)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(214.638.882.900)	(4.506.053.337)
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		317.176.280	355.305.240
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		5.688.950.377	(6.391.103.584)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(47.114.317.065)	468.008.488
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		7.700.125.709	(6.519.615.837)
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(28.801.739.902)	(26.157.212.823)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.580.586.562.649)	1.285.589.822.780

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(6.570.660.210)	(5.402.976.000)
65	2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.424.990.940	1.266.824.644
70	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(5.145.669.270)</i>	<i>(4.136.151.356)</i>
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	1. Tiền vay gốc		9.697.000.000.000	2.351.000.000.000
73.2	1.1 Tiền vay khác		9.697.000.000.000	2.351.000.000.000
74	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(7.001.000.000.000)	(2.347.000.000.000)
74.3	2.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(7.001.000.000.000)	(2.347.000.000.000)
76	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(31.287.310)	(5.697.418)
80	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>2.695.968.712.690</i>	<i>3.994.302.582</i>
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		110.236.480.771	1.285.447.974.006
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		680.759.314.148	851.889.363.555
101.1	- Tiền		680.759.314.148	851.889.363.555
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	790.995.794.919	2.137.337.337.561
103.1	- Tiền		790.995.794.919	1.637.337.337.561
103.2	- Các khoản tương đương tiền		-	500.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

06 tháng đầu năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		118.151.127.288.007	66.662.762.944.776
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(109.570.997.238.673)	(74.334.360.918.122)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(7.522.971.330.910)	7.828.517.503.554
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(6.246.317.847)	(5.924.054.021)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		5.717.051.514.151	4.692.482.940.258
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(5.717.051.514.151)	(6.051.925.878.030)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		1.050.912.400.577	(1.208.447.461.585)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		719.318.035.298	2.180.185.981.782
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		719.318.035.298	2.180.185.981.782
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		493.252.007.646	430.005.857.813
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		225.988.523.360	299.996.852.016
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		77.504.292	1.450.183.271.953
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	30	1.770.230.435.875	971.738.520.197
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		1.770.230.435.875	971.738.520.197
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		1.212.265.545.663	534.607.347.236
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		557.887.385.920	346.390.838.780
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		77.504.292	90.740.334.181

[Signature]

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

[Signature]

Phạm Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng



Nguyễn Chí Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
06 tháng đầu năm 2025

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		01/01/2024	01/01/2025	06 tháng đầu năm 2024		06 tháng đầu năm 2025		30/06/2024	30/06/2025
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		8.853.320.430.800	8.853.320.430.800	-	-	813.054.720.000	329.390.582.511	8.853.320.430.800	9.336.984.568.289
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		8.131.567.480.000	8.131.567.480.000	-	-	813.054.720.000	-	8.131.567.480.000	8.944.622.200.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		721.752.950.800	721.752.950.800	-	-	-	329.390.582.511	721.752.950.800	392.362.368.289
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		77.136.777.489	77.136.777.489	-	-	-	77.136.777.489	77.136.777.489	-
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		(48.728.904.420)	(96.688.867.720)	32.150.883.600	777.400.000	259.020.544.200	77.734.757.100	(17.355.420.820)	84.596.919.380
4. Lợi nhuận chưa phân phối		1.381.782.440.749	2.377.396.869.816	710.464.510.977	20.000.000.000	645.491.979.382	1.259.684.108.000	2.072.246.951.726	1.763.204.741.198
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		1.089.116.102.205	2.014.523.340.470	506.941.009.876	20.000.000.000	377.344.243.214	1.259.684.108.000	1.576.057.112.081	1.132.183.475.684
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		292.666.338.544	362.873.529.346	203.523.501.101	-	268.147.736.168	-	496.189.839.645	631.021.265.514
TỔNG CỘNG		10.263.510.744.618	11.211.165.210.385	742.615.394.577	20.777.400.000	1.717.567.243.582	1.743.946.225.100	10.985.348.739.195	11.184.786.228.867
II. Thu nhập toàn diện khác									
1. Lãi/lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		(48.728.904.420)	(96.688.867.720)	32.150.883.600	777.400.000	259.020.544.200	77.734.757.100	(17.355.420.820)	84.596.919.380
TỔNG CỘNG		(48.728.904.420)	(96.688.867.720)	32.150.883.600	777.400.000	259.020.544.200	77.734.757.100	(17.355.420.820)	84.596.919.380

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Phạm Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng

Nguyễn Chí Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2025

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 20/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 05 năm 2025 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102524651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần gần nhất ngày 16 tháng 06 năm 2025.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 8.944.622.200.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 8.944.622.200.000 VND; tương đương 894.462.220 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 331 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 306 người).

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ hoạt động
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3, Cao ốc Sài GònMetropolitan, 235 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại thành phố Đà Nẵng	Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, số 03 Lê Đình Lý, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chi tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.6 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá thị trường của các chứng khoán này.

Đối với các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên, Công ty cũng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư. Trường hợp, chứng khoán có dấu hiệu giảm giá, Công ty sẽ đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Số chênh lệch đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị xác thực nhất (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK ở thời điểm cuối kỳ kế toán được theo dõi riêng trên Tài khoản cấp 2 “Chênh lệch đánh giá lại” của Tài khoản 121 - “Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ” mà không ghi tăng, giảm giá mua của các tài sản tài chính trên Tài khoản “Giá mua” và được xác định cụ thể cho từng lần đánh giá lại như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

- Ở kỳ đánh giá lại lần đầu, giá trị hợp lý đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được phản ánh vào Tài khoản 1212 "Chênh lệch đánh giá lại" là số chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL tại thời điểm đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá mua ban đầu của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK.
- Ở kỳ đánh giá lại lần thứ hai trở đi, giá trị đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được phản ánh vào Tài khoản 1212 "Chênh lệch đánh giá lại" là số chênh lệch giữa giá mua của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL và giá đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này. Chênh lệch giữa các kỳ đánh giá được hạch toán vào Tài khoản 51112 "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL" hoặc Tài khoản 63213 "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL".

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chỉ tiêu:

- Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu "Lỗ" và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL, chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" FVTPL.
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào Chỉ tiêu "Thu nhập", chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại - Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ".

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.7 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.8 . Các khoản phải thu ngắn hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 05 năm
- Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	03 - 05 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 tháng đến 36 tháng.

- Lợi thế thương mại phát sinh khi nhận sáp nhập với Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB, Công ty phân bổ trong vòng 07 năm.

- Chi phí thuê nhà được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 tháng đến 36 tháng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: Chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí phải trả các sản giao dịch... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý được phản ánh khi đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá trị hợp lý. Tài sản được đánh giá lại bao gồm: tài sản tài chính sẵn sàng để bán; tài sản cố định; hoặc đánh giá lại tài sản khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản (nếu có).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và Chi phí/ thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm (nếu có).

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong năm. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định hiện hành.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.17 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ kế toán đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận bằng tiền được chia phát sinh từ cổ phiếu, trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức bằng tiền, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức bằng tiền từ quyền sở hữu cổ phiếu và lợi nhuận từ các khoản đầu tư đã được xác lập.

2.18 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.19 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính là doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định. Chi phí hoạt động tài chính là chi phí lãi vay.

2.20 . Các khoản thuế

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của Công ty Chứng khoán	396.510.047	53.973.781.907.103
- Cổ phiếu	194.664.700	7.452.789.325.000
- Trái phiếu	201.845.347	46.520.992.582.103
Của nhà đầu tư	3.876.728.744	231.557.122.304.169
- Cổ phiếu	3.695.141.875	73.443.988.776.280
- Trái phiếu	171.882.953	156.380.471.255.089
- Chứng khoán khác	9.703.916	1.732.662.272.800
	<u>4.273.238.791</u>	<u>285.530.904.211.272</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

4 . TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	700.079.866.478	680.501.235.812
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	90.915.928.441	258.078.336
	790.995.794.919	680.759.314.148

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	3.920.408.730.982	4.569.921.006.220	2.984.536.332.592	3.330.897.345.417
Cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	452.759.807.140	406.401.747.700	533.481.776.439	463.258.095.500
Chứng chỉ quỹ đại chúng	10.000.000.000	10.054.983.884	10.000.000.000	9.982.719.333
Cổ phiếu chưa niêm yết và hủy niêm yết	464.259.577.136	401.484.484.007	474.253.421.753	411.489.191.680
Trái phiếu niêm yết	1.514.946.707.301	1.509.328.360.430	2.077.529.997.674	2.063.805.266.000
Trái phiếu chưa niêm yết	1.543.770.027.200	1.543.770.027.200	650.000.000.000	650.000.000.000
Công cụ thị trường tiền tệ	733.340.900.000	733.340.900.000	1.214.927.222.000	1.214.927.222.000
	8.639.485.749.759	9.174.301.509.441	7.944.728.750.458	8.144.359.839.930

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	475.238.748.169	793.921.728.600	475.238.748.169	612.635.941.500
	475.238.748.169	793.921.728.600	475.238.748.169	612.635.941.500

c) Các khoản cho vay

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Hoạt động margin	6.050.536.073.830	4.079.088.507.732
Hoạt động ứng trước tiền bán	217.833.948.709	107.827.148.641
	6.268.370.022.539	4.186.915.656.373

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

d) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	8.639.485.749.759	7.944.728.750.458	9.174.301.509.441	8.144.359.839.930	861.798.988.359	580.465.723.278	(326.983.228.677)	(380.834.633.806)	9.174.301.509.441	8.144.359.839.930
Cổ phiếu niêm yết	3.920.408.730.982	2.994.536.332.592	4.569.921.006.220	3.340.880.064.750	839.914.420.561	536.468.649.501	(190.402.145.323)	(190.124.917.343)	4.569.921.006.220	3.340.880.064.750
TCB	143.633.010.363	13.918.974.409	177.840.000.000	14.790.000.000	34.206.989.637	871.025.591	-	-	177.840.000.000	14.790.000.000
FPT	248.441.030.800	136.154.825.805	252.985.824.000	204.871.550.000	4.544.793.200	68.716.724.195	-	-	252.985.824.000	204.871.550.000
FRT	176.962.024.867	177.675.820.265	323.438.080.000	385.008.640.000	146.476.055.133	207.332.819.735	-	-	323.438.080.000	385.008.640.000
VPB	349.986.900.000	349.986.900.000	287.536.250.000	298.416.000.000	-	-	(62.450.650.000)	(51.570.900.000)	287.536.250.000	298.416.000.000
Các cổ phiếu khác	3.001.385.764.952	2.316.799.812.113	3.528.120.852.220	2.437.793.874.750	654.686.582.591	259.548.079.980	(127.951.495.323)	(138.554.017.343)	3.528.120.852.220	2.437.793.874.750
Cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	452.759.807.140	533.481.776.439	406.401.747.700	463.258.095.500	21.095.787.385	21.191.040.605	(67.453.846.825)	(91.414.721.544)	406.401.747.700	463.258.095.500
VGI	97.999.820.440	99.146.841.780	91.463.300.000	112.882.700.000	-	13.735.858.220	(6.536.520.440)	-	91.463.300.000	112.882.700.000
GDA	-	200.000.000.000	-	137.000.000.000	-	-	-	(63.000.000.000)	0	137.000.000.000
Các cổ phiếu khác	354.759.986.700	234.334.934.659	314.938.447.700	213.375.395.500	21.095.787.385	7.455.182.385	(60.917.326.385)	(28.414.721.544)	314.938.447.700	213.375.395.500
Chứng chỉ quỹ đại chúng	10.000.000.000	10.000.000.000	10.054.983.884	9.982.719.333	54.983.884	-	-	(17.280.667)	10.054.983.884	9.982.719.333
Cổ phiếu hủy niêm yết	4.115.838.498	4.109.683.115	2.600.000.000	2.600.000.000	-	-	(1.515.838.498)	(1.509.683.115)	2.600.000.000	2.600.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	460.143.738.638	460.143.738.638	398.884.484.007	398.906.472.347	-	-	(61.259.254.631)	(61.237.266.291)	398.884.484.007	398.906.472.347
- Công ty Cổ phần ADEC	138.650.000.000	138.650.000.000	138.650.000.000	138.650.000.000	-	-	-	-	138.650.000.000	138.650.000.000
- Công ty CP Đông tàu và Dịch vụ Cảng Mỹ Xuân	170.000.000.000	170.000.000.000	169.785.248.811	169.802.315.746	-	-	(214.751.189)	(197.684.254)	169.785.248.811	169.802.315.746
- Các cổ phiếu khác	151.493.738.638	151.493.738.638	90.449.235.196	90.454.156.601	-	-	(61.044.503.442)	(61.039.582.037)	90.449.235.196	90.454.156.601
Trái phiếu niêm yết	1.514.946.707.301	2.077.529.997.674	1.509.328.360.430	2.063.805.266.000	733.796.529	22.806.033.172	(6.352.143.400)	(36.530.764.846)	1.509.328.360.430	2.063.805.266.000
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Bamboo Capital mã BCG122006	102.248.415.846	507.356.639.428	102.248.415.846	515.517.066.000	-	8.160.426.572	-	-	102.248.415.846	515.517.066.000
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Bắc Á phát hành ngày 30/10/2023	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội mã SHB12301	534.560.972.234	913.632.764.846	534.560.974.584	878.800.000.000	2.350	-	-	(34.832.764.846)	534.560.974.584	878.800.000.000
- Trái phiếu niêm yết khác	678.137.319.221	456.540.593.400	672.518.970.000	469.488.200.000	733.794.179	14.645.606.600	(6.352.143.400)	(1.698.000.000)	672.518.970.000	469.488.200.000
Trái phiếu chưa niêm yết	1.543.770.027.200	650.000.000.000	1.543.770.027.200	650.000.000.000	-	-	-	-	1.543.770.027.200	650.000.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam phát hành ngày 18/12/2024	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-	-	-	-	-	50.000.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ngày 28/08/2024	-	250.000.000.000	-	250.000.000.000	-	-	-	-	-	250.000.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh phát hành ngày 13/11/2024	-	240.000.000.000	-	240.000.000.000	-	-	-	-	-	240.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

d) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu chưa niêm yết (tiếp theo)										
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh phát hành ngày 30/10/2024	-	110.000.000.000	-	110.000.000.000	-	-	-	-	-	110.000.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội phát hành ngày 28/02/2025 (1)	207.344.627.200	-	207.344.627.200	-	-	-	-	-	207.344.627.200	-
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh phát hành ngày 24/03/2025 (2)	301.230.000.000	-	301.230.000.000	-	-	-	-	-	301.230.000.000	-
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh phát hành ngày 24/03/2025 (3)	335.195.400.000	-	335.195.400.000	-	-	-	-	-	335.195.400.000	-
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ngày 26/05/2025 (4)	500.000.000.000	-	500.000.000.000	-	-	-	-	-	500.000.000.000	-
- Trái phiếu Tập đoàn Vingroup - CTCP phát hành ngày 25/06/2025 (5)	200.000.000.000	-	200.000.000.000	-	-	-	-	-	200.000.000.000	-
Công cụ thị trường tiền tệ	733.340.900.000	1.214.927.222.000	733.340.900.000	1.214.927.222.000	-	-	-	-	733.340.900.000	1.214.927.222.000
- Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM phát hành ngày 15/11/2024	-	700.000.000.000	-	700.000.000.000	-	-	-	-	-	700.000.000.000
- Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng Bưu điện Liên Việt phát hành ngày 29/03/2024	-	514.927.222.000	-	514.927.222.000	-	-	-	-	-	514.927.222.000
- Chứng chỉ tiền gửi do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ngày 20/01/2025	250.000.000.000	-	250.000.000.000	-	-	-	-	-	250.000.000.000	-
- Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng TMCP Quân Đội phát hành ngày 12/10/2023	483.340.900.000	-	483.340.900.000	-	-	-	-	-	483.340.900.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

d) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
AFS	475.238.748.169	475.238.748.169	793.921.728.600	612.635.941.500	492.042.080.431	274.005.513.331	(173.359.100.000)	(136.608.320.000)	793.921.728.600	612.635.941.500
Cổ phiếu niêm yết	475.238.748.169	475.238.748.169	793.921.728.600	612.635.941.500	492.042.080.431	274.005.513.331	(173.359.100.000)	(136.608.320.000)	793.921.728.600	612.635.941.500
SHB	275.238.748.169	275.238.748.169	767.280.828.600	549.244.261.500	492.042.080.431	274.005.513.331	-	-	767.280.828.600	549.244.261.500
TCD	200.000.000.000	200.000.000.000	26.640.900.000	63.391.680.000	-	-	(173.359.100.000)	(136.608.320.000)	26.640.900.000	63.391.680.000
	9.114.724.497.928	8.419.967.498.627	9.968.223.238.041	8.756.995.781.430	1.353.841.068.790	854.471.236.609	(500.342.328.677)	(517.442.953.806)	9.968.223.238.041	8.756.995.781.430

Ghi chú:

- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và cổ phiếu giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom): Giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2024 và 30/06/2025 trên các sàn giao dịch này.
- Trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch: Giá trị hợp lý được xác định theo giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các chứng khoán còn lại, Công ty cũng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư. Trường hợp, chứng khoán có dấu hiệu giảm giá, Công ty sẽ đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 30 tháng 06 năm 2025.
- Đối với chứng chỉ quỹ đại chúng được xác định theo giá trị tại sản ròng của quỹ tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu chưa niêm yết:

- (1) Trái phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội có thời hạn 7 năm kể từ ngày phát hành ngày 28/02/2025, số lượng 23.506.190 trái phiếu, mệnh giá 100.000 VND với lãi suất thả nổi (Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + 3%/năm).
- (2) Trái phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh có thời hạn 8 năm kể từ ngày phát hành ngày 24/03/2025, số lượng 25.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 VND với lãi suất thả nổi (Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + 2,90%/năm).
- (3) Trái phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh có thời hạn 7 năm kể từ ngày phát hành ngày 24/03/2025, số lượng 25.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 VND với lãi suất thả nổi (Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + 2,70%/năm).
- (4) Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có thời hạn 7 năm kể từ ngày phát hành ngày 26/05/2025, số lượng 1.500 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 VND với lãi suất thả nổi (Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + 1,0%/năm).
- (5) Trái phiếu Tập đoàn Vingroup – Công ty CP có thời hạn 3 năm kể từ ngày phát hành ngày 25/06/2025, số lượng 10.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000.000 VND với lãi suất 12%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu bán chứng khoán tự doanh	26.665.450.000	171.106.530.000
Phải thu lãi hoạt động Margin	113.985.189.134	86.739.752.799
Phải thu lãi các hoạt động khác	44.188.403.571	17.602.510.876
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	496.477.434.516	498.761.210.182
- Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	417.767.520.088	417.767.520.088
- Phải thu lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	56.910.806.235	56.910.806.235
- Phải thu về ứng trước để chi trả hộ cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000
- Phải thu hoạt động tư vấn	3.109.922.315	5.634.838.982
- Phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán khác	8.689.185.878	8.448.044.877
	681.316.477.221	774.210.003.857

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Thiết kế AKI	6.893.980.785	-
Công ty TNHH Lido Việt Nam	4.060.500.000	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Minastik	390.000.000	390.000.000
Các khoản trả trước khác	2.264.363.740	852.070.000
	13.608.844.525	1.242.070.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

8 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Giá trị phải thu khó đòi	Kỳ này			
		Số đầu kỳ	Số trích lập	Số hoàn nhập	Số cuối kỳ
			VND	VND	VND
Phải thu hợp đồng giao dịch ký quỹ (margin)	128.956.097.300	97.885.903.376	2.043.301.469	(124.258)	99.929.080.587
Phải thu gốc và lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	474.678.326.322	396.436.547.903	30.591.364	(1.273.783.064)	395.193.356.203
Phải thu về ứng trước để chi trả hộ cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Phải thu hoạt động tư vấn	2.820.922.315	2.665.995.621	5.500.000	(200.000.000)	2.471.495.621
	616.455.345.937	506.988.446.900	2.079.392.833	(1.473.907.322)	507.593.932.411



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Vật tư văn phòng	41.909.586	14.097.681
Công cụ, dụng cụ	34.823.995	43.862.000
	76.733.581	57.959.681

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí thuê nhà chờ phân bổ	1.873.520.385	2.041.326.539
Chi phí tài liệu, sách báo chờ phân bổ	262.925.263	533.392.964
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.177.970.270	794.733.729
	3.314.415.918	3.369.453.232

b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Lợi thế thương mại khi sáp nhập	-	2.598.908.480
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.141.098.682	1.967.716.523
Chi phí tư vấn chờ phân bổ	362.733.219	362.733.219
Chi phí mạng viễn thông chờ phân bổ	314.021.771	484.020.516
Chi phí bảo trì chờ phân bổ	405.126.725	1.884.288.862
Chi phí trả trước dài hạn khác	591.379.006	-
	3.814.359.403	7.297.667.600

11 . CÀM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯ'ỢC**a) Ngắn hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Đặt cọc bình nước	-	2.750.000
	-	2.750.000

b) Dài hạn

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	24.740.669.060	22.686.345.060
Đặt cọc khác	112.150.000	81.400.000
	24.852.819.060	22.767.745.060

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

12 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu khác	99.405.521	99.405.521
	99.405.521	99.405.521

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2025	40.024.788.746	6.580.850.000	400.714.710	47.006.353.456
Mua trong kỳ	6.275.660.210	-	-	6.275.660.210
Thanh lý, nhượng bán	(43.270.000)	-	-	(43.270.000)
Tại ngày 30/06/2025	46.257.178.956	6.580.850.000	400.714.710	53.238.743.666
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2025	31.751.788.391	5.896.595.387	400.714.710	38.049.098.488
Khấu hao trong kỳ	2.549.238.078	268.857.504	-	2.818.095.582
Thanh lý, nhượng bán	(43.270.000)	-	-	(43.270.000)
Tại ngày 30/06/2025	34.257.756.469	6.165.452.891	400.714.710	40.823.924.070
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2025	8.273.000.355	684.254.613	-	8.957.254.968
Tại ngày 30/06/2025	11.999.422.487	415.397.109	-	12.414.819.596

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 31.401.367.506 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm giao dịch, kế toán với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2025 lần lượt là: 50.716.975.987 VND và 32.396.027.667 VND. Khấu hao trong kỳ là 2.888.725.623 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

15 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định		
Phí bản quyền, triển khai phần mềm kinh doanh chứng khoán và nâng cấp phần mềm	2.679.303.760	2.679.303.760
	2.679.303.760	2.679.303.760

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

16 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	18.066.986.207	18.066.986.207
Tiền lãi phân bổ	1.813.013.793	1.813.013.793
Số dư cuối kỳ	20.000.000.000	20.000.000.000

17 . VAY VÀ NỢ

	01/01/2025	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn				
Vay ngân hàng	2.141.000.000.000	9.697.000.000.000	(7.001.000.000.000)	4.837.000.000.000
	2.141.000.000.000	9.697.000.000.000	(7.001.000.000.000)	4.837.000.000.000

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	750.000.000.000	500.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á	196.000.000.000	196.000.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina	290.000.000.000	300.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	980.000.000.000	245.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	640.000.000.000	250.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	198.000.000.000	400.000.000.000
Công ty Tài chính tín dụng tiêu dùng TNHH MB Shinsei	483.000.000.000	-
Các ngân hàng khác	1.300.000.000.000	250.000.000.000
	4.837.000.000.000	2.141.000.000.000

Tại thời điểm 30/06/2025, Công ty có các khoản vay ngắn hạn theo khế ước có thời hạn từ 01 tháng đến 06 tháng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ, ... với lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Hình thức đảm bảo là tín chấp hoặc bảo đảm bằng các tài sản theo các biện pháp bảo đảm theo Hợp đồng bảo đảm, các phụ lục, hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm này và các chứng từ khác có liên quan

18 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả hoạt động mua chứng khoán tự doanh	95.062.500.000	295.112.700.000
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Cao Lotte- HPT Việt Nam	592.000.000	1.822.770.000
Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển TMG	-	438.260.034
Phải trả các đối tượng khác	566.525.852	1.119.404.193
	96.221.025.852	298.493.134.227

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	523.861.089	240.105.650
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	59.933.390.454	88.738.718.624
Thuế Thu nhập cá nhân	17.344.093.502	11.952.564.257
Các loại thuế khác	49.490.122	35.824.429
	77.850.835.167	100.967.212.960

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	33.390.799.368	23.555.991.146
Chi phí phải trả các sản giao dịch	6.523.976.168	5.603.840.023
Chi phí phải trả khác	1.228.514.681	3.595.179.988
	41.143.290.217	32.755.011.157

21 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	813.817.081.406	691.620.716
Phải trả phí phát triển thị trường và tìm kiếm khách hàng	8.525.548.514	4.195.530.466
Phải trả trái phiếu bán lẻ	12.591.025	9.933.835
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.033.450.313	2.937.759.842
	828.388.671.258	7.834.844.859

22 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	30/06/2025	Tỷ lệ	01/01/2025
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	5,60	500.563.060.000	5,60	455.057.340.000
Vốn góp của cổ đông (dưới 5%)	94,40	8.444.059.140.000	94,40	7.676.510.140.000
	100,00	8.944.622.200.000	100,00	8.131.567.480.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	1.132.183.475.684	2.014.523.340.470
Lợi nhuận chưa thực hiện	631.021.265.514	362.873.529.346
	1.763.204.741.198	2.377.396.869.816

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	2.014.523.340.470	1.089.116.102.205
Lãi chưa thực hiện tính đến cuối kỳ kế toán	631.021.265.514	291.867.258.280
Lãi đã thực hiện kỳ này tính từ đầu kỳ	377.344.243.214	506.941.009.876
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối kỳ kế toán	2.391.867.583.684	1.596.057.112.081
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(40.000.000.000)	(20.000.000.000)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(40.000.000.000)	(20.000.000.000)
Số chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 10%/cổ phiếu	(813.156.748.000)	-
Số chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 5%/cổ phiếu	(406.527.360.000)	-
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối kỳ	1.132.183.475.684	1.576.057.112.081

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 05 năm 2025, Công ty công bố việc phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

- Trích lập quỹ khen thưởng số tiền 10.000.000.000 VND, quỹ phúc lợi số tiền 30.000.000.000 VND.

- Chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 10%/cổ phiếu, tương ứng số tiền: 813.156.748.000 VND

Bên cạnh đó, trong kỳ:

- Công ty đã hoàn thành xong việc chia cổ tức bằng cổ phiếu cho năm tài chính 2023 với tỷ lệ 5%. Số lượng cổ phiếu đã phân phối là 40.652.736 cổ phiếu, tương ứng mệnh giá là 406.527.360.000 VND.

- Công ty đã hoàn thành xong việc tăng vốn điều lệ từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Thặng dư cổ phần với tỷ lệ 5%. Số lượng cổ phiếu đã phân phối là 40.652.736 cổ phiếu, tương ứng mệnh giá là 406.527.360.000 VND.

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.962.372.710.000	2.428.596.220.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.511.100.000.000	1.221.700.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	100.400.000.000	98.900.000.000
	3.573.872.710.000	3.749.196.220.000

24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	215.750.980.000	169.007.640.000
	215.750.980.000	169.007.640.000

25 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tài sản tài chính chờ về của Công ty	9.750.000.000	171.039.000.000
	9.750.000.000	171.039.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

26 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	242.582.810.000	250.435.452.500
	242.582.810.000	250.435.452.500

27 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	69.541.004.020.000	85.034.537.710.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	2.297.356.550.000	1.903.369.480.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	4.866.220.400.000	4.584.161.920.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	11.879.362.440.000	7.485.753.430.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	928.769.530.000	120.634.780.000
	89.512.712.940.000	99.128.457.320.000

28 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	786.716.750.000	110.652.170.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	649.181.490.000	671.672.220.000
	1.435.898.240.000	782.324.390.000

29 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	-	110.062.030.000
	-	110.062.030.000

30 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.212.265.545.663	493.252.007.646
1. Nhà đầu tư trong nước	1.210.756.881.640	491.733.830.698
2. Nhà đầu tư nước ngoài	1.508.664.023	1.518.176.948
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	557.887.385.920	225.988.523.360
Tiền gửi của tổ chức phát hành	77.504.292	77.504.292
2. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	77.504.292	77.504.292
	1.770.230.435.875	719.318.035.298

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

31 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.212.265.545.663	493.252.007.646
1.1 Nhà đầu tư trong nước	1.210.756.881.640	491.733.830.698
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	1.508.664.023	1.518.176.948
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	557.887.385.920	225.988.523.360
2.1 Nhà đầu tư trong nước	557.887.385.920	225.988.523.360
	1.770.152.931.583	719.240.531.006

32 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	6.164.521.262.964	4.165.828.260.531
1.1 Phải trả gốc margin	6.050.536.073.830	4.079.088.507.732
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	6.050.536.073.830	4.079.088.507.732
1.2 Phải trả lãi margin	113.985.189.134	86.739.752.799
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	113.985.189.134	86.739.752.799
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	217.833.948.709	107.827.148.641
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	217.833.948.709	107.827.148.641
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	217.833.948.709	107.827.148.641
	6.382.355.211.673	4.273.655.409.172

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

33 . THU NHẬP**a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này		Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước	
			Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	3.430.985.530.000	3.326.644.535.526	310.031.933.190	205.690.938.716	322.138.656.994	4.226.717.031
Cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	-	-	-	-	31.296.000.000	12.210.400.000
Trái phiếu niêm yết	24.124.676.196.872	24.124.913.499.561	50.382.279.360	50.619.582.049	59.459.008.276	2.972.699.074
Trái phiếu chưa niêm yết	1.702.384.311.722	1.697.780.363.602	4.603.948.120	-	54.800.000	-
Công cụ thị trường tiền tệ	30.332.481.353.688	30.309.292.309.000	23.189.044.688	-	4.701.262.733	511.644.000
Tài sản tài chính khác	494.778.400.000	488.000.000.000	6.778.400.000	-	-	-
	60.085.305.792.282	59.946.630.707.689	394.985.605.358	256.310.520.765	417.649.728.003	19.921.460.105

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

b) . Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo sổ	Giá trị thị trường/	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30/06/2025		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2025		Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán	
	kế toán	Giá trị hợp lý	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm	Đánh giá tăng	Đánh giá giảm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	7.906.144.849.759	8.440.960.609.441	861.798.988.359	(326.983.228.677)	580.465.723.278	(380.834.633.806)	281.333.265.081	(53.851.405.129)
Cổ phiếu niêm yết	3.920.408.730.982	4.569.921.006.220	839.914.420.561	(190.402.145.323)	536.468.649.501	(190.124.917.343)	303.445.771.060	277.227.980
Cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	452.759.807.140	406.401.747.700	21.095.787.385	(67.453.846.825)	21.191.040.605	(91.414.721.544)	(95.253.220)	(23.960.874.719)
Cổ phiếu hủy niêm yết	4.115.838.498	2.600.000.000	-	(1.515.838.498)	-	(1.509.683.115)	-	6.155.383
Cổ phiếu chưa niêm yết	460.143.738.638	398.884.484.007	-	(61.259.254.631)	-	(61.237.266.291)	-	21.988.340
Trái phiếu niêm yết	1.514.946.707.301	1.509.328.360.430	733.796.529	(6.352.143.400)	22.806.033.172	(36.530.764.846)	(22.072.236.643)	(30.178.621.446)
Trái phiếu chưa niêm yết	1.543.770.027.200	1.543.770.027.200	-	-	-	-	-	-
Chứng chỉ quỹ đại chúng	10.000.000.000	10.054.983.884	54.983.884	-	-	(17.280.667)	54.983.884	(17.280.667)
Công cụ thị trường tiền tệ	733.340.900.000	733.340.900.000	-	-	-	-	-	-
AFS	475.238.748.169	793.921.728.600	492.042.080.431	(173.359.100.000)	274.005.513.331	(136.608.320.000)	218.036.567.100	36.750.780.000
Cổ phiếu niêm yết	475.238.748.169	793.921.728.600	492.042.080.431	(173.359.100.000)	274.005.513.331	(136.608.320.000)	218.036.567.100	36.750.780.000
	9.114.724.497.928	9.968.223.238.041	1.353.841.068.790	(500.342.328.677)	854.471.236.609	(517.442.953.806)	499.369.832.181	(17.100.625.129)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	110.080.162.633	75.142.217.819
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	455.479.452	3.113.013.698
Từ các khoản cho vay	280.643.471.722	261.918.982.446
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	29.739.567.000	-
	420.918.680.807	340.174.213.963

d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	998.439.358	679.011.628
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu từ lãi hợp đồng ủy thác đầu tư	-	20.115.614
- Doanh thu khác	998.439.358	658.896.014
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	998.439.358	679.011.628

34 . CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác		
- Chi phí dịch vụ tài chính khác	4.346.182.593	6.253.031.768
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	605.485.511	-
	4.951.668.104	6.253.031.768

35 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	1.424.990.940	1.266.824.644
	1.424.990.940	1.266.824.644

36 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	79.078.387.258	24.935.157.123
	79.078.387.258	24.935.157.123

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

37 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	27.118.901.261	39.498.037.082
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	1.399.714.059	1.199.987.997
Chi phí vật tư văn phòng	315.236.719	168.375.949
Chi phí công cụ, dụng cụ	529.099.000	335.880.475
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	1.532.924.024	2.664.587.983
Chi phí thuế, phí và lệ phí	155.235.994	43.163.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.245.733.388	6.911.155.315
Chi phí khác	16.164.936.291	11.721.187.364
	53.461.780.736	62.542.375.760

38 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**38.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	788.653.303.878	878.731.192.815
Các khoản điều chỉnh tăng	(52.450.603.129)	(51.448.826.047)
- Chi phí không hợp lệ	1.400.802.000	480.377
- Chênh lệch giảm về đánh giá lại các TSTC FVTPL	(53.851.405.129)	(51.449.306.424)
Các khoản điều chỉnh giảm	(355.580.748.481)	(240.365.933.952)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(74.247.483.400)	(37.410.864.000)
- Chênh lệch về đánh giá lại các TSTC FVTPL	(281.333.265.081)	(202.955.069.952)
Thu nhập chịu thuế TNDN	380.621.952.268	586.916.432.816
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	76.124.390.454	117.383.286.563
Chi phí TNDN kỳ trước hạch toán kỳ này	-	2.520.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	76.124.390.454	117.385.806.563
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	88.738.718.624	22.832.616.385
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(104.929.718.624)	(69.624.601.173)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	59.933.390.454	70.593.821.775

38.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Số dư đầu năm	90.718.382.337	73.166.584.636
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng và giảm về đánh giá lại các TSTC FVTPL	67.036.934.042	50.880.875.275
	157.755.316.379	124.047.459.911
	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng và giảm về đánh giá lại các TSTC FVTPL	67.036.934.042	50.880.875.275
	67.036.934.042	50.880.875.275

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

39 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	645.491.979.382	710.464.510.977
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	645.491.979.382	710.464.510.977
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	894.462.220	894.611.131
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>722</u>	<u>794</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính sau niên độ. Việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi sẽ được căn cứ theo quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

40 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	9.174.301.509.441	-	-	9.174.301.509.441
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	793.921.728.600	-	-	793.921.728.600
	<u>9.968.223.238.041</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>9.968.223.238.041</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	8.144.359.839.930	-	-	8.144.359.839.930
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	612.635.941.500	-	-	612.635.941.500
	<u>8.756.995.781.430</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>8.756.995.781.430</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền	790.995.794.919	-	-	790.995.794.919
Các khoản cho vay	6.168.440.941.952	-	-	6.168.440.941.952
Các khoản phải thu	273.651.625.397	-	-	273.651.625.397
	<u>7.233.088.362.268</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>7.233.088.362.268</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền	680.759.314.148	-	-	680.759.314.148
Các khoản cho vay	4.089.029.752.997	-	-	4.089.029.752.997
Các khoản phải thu	365.107.460.333	-	-	365.107.460.333
	<u>5.134.896.527.478</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.134.896.527.478</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Vay và nợ	4.837.000.000.000	-	-	4.837.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	925.006.627.110	-	-	925.006.627.110
Chi phí phải trả	41.143.290.217	-	-	41.143.290.217
	<u>5.803.149.917.327</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.803.149.917.327</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	2.141.000.000.000	-	-	2.141.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	306.453.149.086	-	-	306.453.149.086
Chi phí phải trả	32.755.011.157	-	-	32.755.011.157
	<u>2.480.208.160.243</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.480.208.160.243</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

41 . THÔNG TIN KHÁC

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2025, theo Hợp đồng môi giới chứng khoán đã ký với các Khách hàng, Công ty đảm bảo rằng các Khách hàng sẽ được thu hồi lại tiền đặt cọc thực hiện giao dịch mua chứng khoán trong các trường hợp giao dịch chứng khoán không thực hiện thành công hoặc các trường hợp khác theo quy định tại các Hợp đồng Môi giới chứng khoán đã ký kết. Tổng giá trị các khoản đặt cọc mà Khách hàng đã thực hiện để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán giao dịch chứng khoán của Khách hàng tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2025 theo các Hợp đồng nêu trên là: 37.792.967.792 VND.

42 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngõ Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

43 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	540.000.000	130.722.502.132	816.138.600.072	308.041.194.102	1.255.442.296.306
Chi phí hoạt động	1.203.330.764	110.313.076.857	211.732.287.347	12.433.808.219	335.682.503.187
Doanh thu không phân bổ					1.424.990.940
Chi phí không phân bổ					132.540.167.994
Kết quả hoạt động	(663.330.764)	20.409.425.275	604.406.312.725	295.607.385.883	788.644.616.065
Chi phí mua tài sản cố định					6.570.660.210
Tài sản bộ phận trực tiếp	-	30.000.000.000	9.968.223.238.041	6.453.209.065.244	16.451.432.303.285
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	881.800.495.729
Tổng tài sản	-	30.000.000.000	9.968.223.238.041	6.453.209.065.244	17.333.232.799.014
Nợ phải trả không phân bổ					6.148.446.570.147
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	6.148.446.570.147

Theo khu vực địa lý

	Hội sở	Chi nhánh Đà Nẵng	Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	1.169.214.202.512	20.588.943.463	65.639.150.331	1.255.442.296.306
Tài sản bộ phận	15.233.720.418.726	225.864.878.713	1.873.647.501.575	17.333.232.799.014
Nợ phải trả bộ phận	6.138.917.735.193	1.830.604.006	7.698.230.948	6.148.446.570.147

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

44 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có số dư hoặc giao dịch với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Ông Đỗ Quang Vinh - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội, đồng thời là Thành viên HĐQT và Phó Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội và là con trai ông Đỗ Quang Hiền Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
Công ty Cổ phần Dược phẩm dược liệu Pharmedic	Ông Nguyễn Chí Thành là Tổng Giám đốc và thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đồng thời là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm dược liệu Pharmedic
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Ông Vũ Đức Tiến là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (miễn nhiệm ngày 10/04/2025), đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa
Ông Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm 10/04/2025)
Ông Lê Đăng Khoa	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25/03/2024)
Ông Lưu Danh Đức	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên Ủy ban kiểm toán (bổ nhiệm ngày 06/06/2024)
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm 10/04/2025)
Ông Đào Ngọc Dũng	Thành viên HĐQT
Ông Trần Sỹ Tiến	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán (bổ nhiệm ngày 06/06/2024)
Bà Trần Thị Thu Thanh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 25/03/2024)
Bà Phạm Thị Thanh Hảo	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 10/04/2025)
Bà Phạm Thị Bích Hồng	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 10/04/2025)
Bà Lương Thị Lựu	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27/12/2024)
Ông Vũ Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/04/2024)
	Kế toán trưởng
	Trưởng ban kiểm soát (bãi nhiệm 15/05/2024)
	Thành viên ban kiểm soát (bãi nhiệm 15/05/2024)
	Thành viên ban kiểm soát (bãi nhiệm 15/05/2024)

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Nhận tiền vay		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	298.000.000.000	45.000.000.000
Trả nợ gốc và lãi vay		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	504.246.684.930	45.193.068.493
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	3.469.808.233	193.068.486
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	540.000.000	2.727.272.727
Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	430.578.495	237.880.600

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Doanh thu từ vốn tài chính		
Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Sài Gòn - Hà Nội	-	275.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	11.609.090.908	700.000.000
Giao dịch bán trái phiếu		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	601.842.000.000	-
Giao dịch bán chứng chỉ tiền gửi		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	2.236.965.438.471	-
Giao dịch mua chứng chỉ tiền gửi từ chính tổ chức phát hành		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	17.000.000.000.000	5.400.000.000.000
Giao dịch mua trái phiếu do Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội phát hành		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	448.500.000.000	-
Giao dịch mua trái phiếu của tổ chức khác từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	602.436.000.000	-
Lãi trái phiếu		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	2.444.499.170	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	299.386.402.137	479.673.224.490
Đầu tư cổ phiếu		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	275.238.748.169	275.238.748.169
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	2.170.000.000	2.170.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm dược liệu Pharmedic	79.460.167.837	79.460.167.837
Phải thu của khách hàng		
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	-	38.000.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội phát hành		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	741.905.599.434	913.632.764.846

Ngoài các thông tin về các bên liên quan được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		
Ông Đỗ Quang Vinh	1.555.555.554	1.677.777.776
Ông Nguyễn Chí Thành	3.933.239.130	2.054.510.942
Ông Vũ Đức Tiến	129.040.404	1.717.619.146
Ông Lưu Danh Đức	-	272.222.222
Ông Lê Đăng Khoa	272.222.223	272.222.222
Ông Đào Ngọc Dũng	110.904.041	-
Bà Nguyễn Diệu Trinh	738.888.892	272.222.222
Bà Phạm Thị Thanh Hào	997.132.028	-
Ông Trần Sỹ Tiến	-	1.546.818.515
Bà Trần Thị Thu Thanh	-	784.714.475
Bà Phạm Thị Bích Hồng	-	419.055.128
Bà Lương Thị Lựu	-	173.333.334
Ông Vũ Đức Trung	-	173.333.334

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

45 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

Nguyễn Thị Thủy
Người lập

Phạm Thị Thanh Hảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Chí Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

